

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Cầu lông 1 - 01**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2120120709	Nguyễn Mậu Tuấn	Anh	14/08/2002	CCQ2012P	4.0	6.0	6.0	5.7	7.0	6.5	
2	2121240161	Trần Thị Tuyết	Anh	19/06/2003	CCQ2124F	4.5	5.0	6.0	5.6	5.0	5.2	
3	2121190151	Huỳnh Thị Hải	Băng	13/07/2003	CCQ2119D	7.0	8.0	6.5	6.8	5.0	5.7	
4	2121120063	Ngô Thị Ngọc	Bích	23/01/2003	CCQ2112B	8.0	9.0	6.5	7.2	4.0	5.3	
5	2121190134	Lê Thị Y	Bình	10/05/2003	CCQ2119D	7.0	8.0	6.5	6.8	8.0	7.5	
6	2121160018	Nguyễn Hải	Châu	01/01/1996	CCQ2116A	7.5	8.0	8.2	8.1	7.0	7.4	
7	2121160014	Lương Thị Linh	Chi	14/10/2003	CCQ2116A	7.0	8.0	6.5	6.8	4.0	5.1	
8	2120260213	Nguyễn Thị Kim	Chi	13/10/2002	CCQ2026G	8.0	7.0	6.0	6.5	4.0	5.0	
9	2119120076	Nguyễn Lê Hoàng	Duy	28/03/2001	CCQ1912C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
10	2120260179	Phạm Ngọc Thùy	Dương	27/06/2002	CCQ2026F	7.0	8.0	6.0	6.5	4.0	5.0	
11	2119110314	Hoàng Tân	Đạt	22/05/2001	CCQ1917Q	5.0	5.0	7.0	6.3	7.0	6.7	
12	2121160005	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	01/03/2003	CCQ2116A	8.0	9.5	8.2	8.4	7.0	7.6	
13	2121270011	Vô Thị Diệu	Hiền	22/12/2003	CCQ2127A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
14	2120120626	Nguyễn Mạnh	Hùng	26/08/2002	CCQ2012A	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.3	
15	2121120343	Phạm Thị Bích	Liều	07/09/2003	CCQ2112J	8.0	9.0	7.0	7.5	4.0	5.4	
16	2121120218	Nguyễn Hoài	Linh	01/03/2003	CCQ2112G	9.5	9.0	7.0	7.8	5.0	6.1	
17	2121270090	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/07/2003	CCQ2127C	7.0	9.0	6.0	6.7	9.0	8.1	
18	2120120501	Phạm Văn	Linh	04/03/2002	CCQ2012O	7.0	7.0	6.0	6.3	5.0	5.5	
19	2121240163	Điền Thành	Long	05/10/2000	CCQ2124F	7.0	8.0	6.0	6.5	7.0	6.8	
20	2121120264	Nguyễn Văn	Lợi	02/10/2002	CCQ2112H	5.0	7.0	7.0	6.7	10.0	8.7	
21	2121160015	Trần Thị Xuân	Mãi	10/04/2003	CCQ2116A	9.5	9.0	8.2	8.6	4.0	5.8	
22	2121150006	Nguyễn Văn Tuấn	Nhật	12/08/2003	CCQ2115A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
23	2121160001	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhung	09/09/2002	CCQ2116A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
24	2121190110	Trần Hoàng Tú	Như	02/10/2003	CCQ2119D	6.0	7.0	6.5	6.5	4.0	5.0	
25	2120100089	Phan Thị Hoàng	Phi	15/01/2002	CCQ2010C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
26	2119110349	Phạm Văn Duy	Phong	02/04/2001	CCQ1923A	4.0	7.0	6.5	6.2	6.0	6.1	
27	2121160016	Phạm Thị Tiểu	Phụng	11/11/2003	CCQ2116A	8.5	8.5	8.2	8.3	6.0	6.9	
28	2121120399	Mạnh Vũ	Quốc	10/03/2003	CCQ2112L	7.0	8.0	7.0	7.2	9.0	8.3	
29	2121120245	Hứa Ngọc Tú	Quyên	25/06/2003	CCQ2112G	7.5	8.5	7.0	7.3	6.0	6.5	
30	2120190113	Lê Bá	Quyên	25/05/1998	CCQ2019C	4.0	5.0	6.0	5.5	7.0	6.4	
31	2121160008	Nguyễn Minh	Thái	01/01/2003	CCQ2116A	7.0	8.0	8.2	8.0	5.0	6.2	
32	2121120391	Trần Thị	Thảo	24/12/2003	CCQ2112L	7.0	8.0	7.0	7.2	5.0	5.9	
33	2121160009	Nguyễn Minh	Thế	07/01/2003	CCQ2116A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
34	2121150025	Nguyễn Ngọc	Thiện	16/02/2003	CCQ2115A	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
35	2121160011	Đỗ Thị Thanh	Thủy	03/09/2003	CCQ2116A	8.0	8.5	8.2	8.2	9.0	8.7	
36	2121120389	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	12/06/2003	CCQ2112L	8.0	8.5	7.0	7.4	5.0	6.0	
37	2121160007	Văn Thị Minh	Thy	13/04/2003	CCQ2116A	8.0	8.5	9.2	8.9	10.0	9.6	
38	2121120243	Lương Văn	Tới	28/04/2003	CCQ2112G	5.0	8.0	7.0	6.8	7.0	6.9	
39	2121270081	Lê Thị Kiều	Trang	13/10/2002	CCQ2127C	8.5	9.0	6.0	6.9	7.0	7.0	
40	2121160010	Lê Thị Mỹ	Trâm	10/10/2003	CCQ2116A	8.0	8.0	8.2	8.1	8.0	8.1	
41	2121240147	Nguyễn Thị Minh	Trâm	08/08/2001	CCQ2124E	4.5	7.0	7.0	6.6	4.0	5.0	
42	2121240166	Nguyễn Thanh	Tùng	09/12/2003	CCQ2124F	8.0	8.5	6.0	6.8	5.0	5.7	
43	2121190099	Nguyễn Ai	Vân	11/10/2003	CCQ2119C	5.0	6.0	7.0	6.5	4.0	5.0	
44	2121160003	Nguyễn Thị Yến	Vy	23/08/2002	CCQ2116A	8.0	8.5	8.2	8.2	4.0	5.7	
45	2120190118	Phạm Thị Hải	Yến	24/02/2001	CCQ2019C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%

TPHCM , ngày 29 tháng 10 năm 2022

Đ.QT=((BP.1+BP.2)/2+BP.3*2)/3
Đ.HP=Đ.QT*0.4+Đ.THI*0.6
Đ.HP>=5 ĐẠT ; Đ.HP<=4.9 KHÔNG ĐẠT